

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2024/DS-PT
Ngày 04-4-2024
V/v tranh chấp lỗi đi và yêu cầu
chấm dứt hành vi trái pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thắm.

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 522/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về việc “tranh chấp lỗi đi” và “yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

+ Ông Lê Minh H, sinh năm 2001; địa chỉ: số D khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Lê Gia H1, sinh năm 1973; địa chỉ: số F, Tổ G, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thế A, sinh năm 1976; địa chỉ: số G, đường N, KDC P, tổ C, khu G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/11/2021); có mặt.

- ***Bị đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1956; địa chỉ: số A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn H2, sinh năm 1963; địa chỉ: số B, Tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn H2: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 23/7/2022); có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Anh S, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2024); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị Mộng L1; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: số G; tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Lê Xuân C; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

4. Bà Đinh Thị Mộng T1; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

5. Ông Phan Thanh T2; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1968; địa chỉ: số G, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

7. Ông Võ Hồ V, sinh năm 1982; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957; địa chỉ: số G, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

9. Ông Trần Văn P, sinh năm 1972; địa chỉ: số G, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; đề nghị giải quyết vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1975; địa chỉ: số G, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; đề nghị giải quyết vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Thiết H3, sinh năm 1979; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Thanh Đ; địa chỉ: số G, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

13. Ông Hoàng Mạnh H4; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Thanh M1; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Thúy L3; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

16. Ông Huỳnh P1; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

17. Bà Đoàn Thị Văn V1, sinh năm 1982; địa chỉ: số B, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

18. Ông Trần Văn G, sinh năm 1961; tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

19. Bà Hà Thị T3, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ F, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

20. Bà Vũ Thị H5, sinh năm 1982; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

21. Bà Bùi Thị L4, sinh năm 1983; địa chỉ: Số G; tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

22. Ông Trần Như T4, sinh năm 1985; địa chỉ: số B, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

23. Ông Ngô Phước D1, sinh năm 1966; địa chỉ: số A, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

24. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

25. Ông Võ Đ1, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

26. Bà Đặng Thị N; địa chỉ: số B, tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2021; các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/12/2021 và ngày 16/02/2023; các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp ông Lê Thế A trình bày:

Ngày 10/10/2019, ông Lê Minh H nhận chuyển nhượng thửa đất số 463, tờ bản đồ số 150, diện tích 3.406,3m² từ ông Lê Văn B. Việc chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Năm 2020 ông Lê Minh H xây dựng nhà ở kết cấu 01 trệt, 01 lầu với tổng diện tích sàn là 329m² trên cơ sở

Giấy phép xây dựng số 749/GPXD-UBND ngày 06/5/2020 của UBND thành phố T.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS09148, ngày 13/02/2019 công nhận ông Lê Gia H1 được quyền sử dụng thửa đất số 366, tờ bản đồ số 150, diện tích 165m² tọa lạc tại khu phố Đ, phường B, thành phố T. Nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Lê Ngọc S1. Năm 2020, ông Lê Gia H1 xây dựng nhà ở kết cấu 1 trệt, 01 lầu với tổng diện tích sàn là 138m² trên cơ sở Giấy phép xây dựng số 1812/GPXD-UBND ngày 30/10/2020 của UBND thành phố T.

Đề đi từ lối đi chung của tổ A, khu phố Đ, phường B vào các thửa đất số 366 và 463, tờ bản đồ số 150 nêu trên, ông Lê Minh H và Lê Gia H1 có tạo lập một lối đi chiều rộng 3,2m có đặc điểm như sau: Đông Bắc giáp nhà số G, Tổ A; Tây Nam giáp nhà số G, tổ A; Đông Nam giáp các thửa số 366 và 463, tờ bản đồ số 150; T giáp lối đi chung của tổ A, khu phố Đ, phường B. Tuy nhiên, các bị đơn ông Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L cho rằng ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 không đóng góp xây dựng lối đi chung nên đã tiến hành xây dựng hàng rào chắn ngang lối đi vào các thửa đất số 366 và 463, tờ bản đồ số 150 của các nguyên đơn. Ngoài ra, các bị đơn ông Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L còn ngắt dây điện ra khỏi công tơ điện do Điện lực T6 gấn cho các nguyên đơn. Tại buổi làm việc ngày 02/4/2021 do UBND phường B chủ trì thì bị đơn ông Nguyễn Văn L đã nhận của các nguyên đơn số tiền đóng góp là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó các bên không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, thống nhất với kết quả đo đạc, định giá và đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn ông Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L phải tháo dỡ hàng rào xây dựng trái phép và chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu D đề gia đình ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 được sử dụng lối đi chung theo kết quả đo đạc thực tế là 401,9m² thuộc tổ A, khu phố Đ, phường B.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Gia H1 và người đại diện hợp pháp ông Lê Thế A trình bày:

Các bị đơn đã tự tháo dỡ hàng rào xây dựng trái phép. Do đó, rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn ông Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L phải tháo dỡ hàng rào xây dựng trái phép và chấm dứt hành vi trái pháp luật cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu D đề gia đình ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 được sử dụng lối đi chung theo kết quả đo đạc thực tế là 401,9m² thuộc tổ A, khu phố Đ, phường B. Hiện nay có 27 hộ dân đang sử dụng lối đi có tranh chấp nên 27 hộ dân đều phải chịu trách nhiệm đóng góp. Do đó, nguyên đơn đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất và giá trị xây dựng theo kết quả định giá tương ứng với nghĩa vụ của mình.

Đối với số tiền đóng góp xây dựng trụ điện là 10.000.000 đồng mà các nguyên đơn đã giao cho bị đơn ông Nguyễn Văn L vào ngày 02/4/2021 thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phạm Văn H2 là ông Phạm Văn Q trình bày: Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phạm Văn H2. Do đó, đại diện bị đơn đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày: thống nhất với kết quả đo đạc, định giá và đề nghị giải quyết như sau: các hộ dân có liên quan đến việc tranh chấp lối đi thuộc tổ A, khu phố Đ, phường B đều nhận chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp từ bà D. Do đó, bà D đã mở lối đi hiện đang có tranh chấp nêu trên trong diện tích đất của mình làm lối đi chung cho các hộ dân trong tổ A, khu phố Đ, phường B cùng sử dụng. Vì vậy, bà D đồng ý để nguyên đơn được sử dụng lối đi chung nêu trên nhưng phải thanh toán giá trị theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị K trình bày: theo bản tự khai ngày 06/6/2023, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2033/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với “Yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật” giữa nguyên đơn ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 đối với bị đơn ông Phạm Văn H2, ông Nguyễn Văn L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 về việc “Tranh chấp lối đi” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D.

2.1. Ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền 131.770.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.2. Hộ ông Lê Minh H và hộ ông Lê Gia H1 được quyền sử dụng lối đi chung có diện tích 401,9m² gồm 345,5m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 150 đứng tên bà Nguyễn Thị Thu D và 56,5m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 150 đứng tên bà Lâm Thị Mộng L1 tọa lạc tại tổ A, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo sơ đồ đính kèm bản án)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 6.588.500 đồng (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.850.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001978 ngày 28/02/2022 và số AA/2021/0004097 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 được nhận lại số tiền 50.261.500 đồng (năm mươi triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 phải liên đới nộp số tiền 7.275.637 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 7.275.637 đồng, không phải nộp thêm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 bị đơn là ông Phạm Văn H2 cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn ông Phạm Văn H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương trình bày như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định buộc ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền 131.770.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng biên bản nghị án ngày 06/9/2023 của Hội đồng xét xử sơ thẩm có nội dung ở mục 2.1 Ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền 92.770.000 đồng (chín mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

2. Về nội dung: Những người liên quan nhận chuyển nhượng đất trực tiếp hoặc gián tiếp từ bà D. Đất làm lối đi bà D chừa ra để những người liên quan làm lối đi chung nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người liên quan tham gia tố tụng và giải quyết bồi thường toàn bộ cho bà D là ảnh hưởng quyền lợi của họ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy bản án sơ thẩm giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Văn H2 làm và nộp trong thời hạn kháng cáo là hợp lệ nên phù hợp.

[1.2] Các nguyên đơn khởi kiện hai quan hệ pháp luật tranh chấp: một là yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật của bị đơn Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L; hai là yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D phải mở lối đi qua bất động sản liền kề theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2021 (bút lục 58). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các nguyên đơn khởi kiện hai quan hệ pháp luật tranh chấp: một là yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật của các bị đơn Phạm Văn H2 và ông Nguyễn Văn L; hai là tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D. Các nguyên đơn xác định bị xâm phạm quyền về lối

đi qua (lối đi của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D). Các nguyên đơn đồng ý thỏa thuận trả tiền hoặc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất để được đi qua bất động sản là lối đi đã hình thành mà không có tranh chấp về quyền sử dụng phần đất (lối đi) đó. Cho nên, việc án sơ thẩm xác định các nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu D là sai về quan hệ pháp luật tranh chấp.

[1.3] Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T quyết định buộc ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền 131.770.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng biên bản nghị án ngày 06/9/2023 của Hội đồng xét xử sơ thẩm có nội dung ở mục 2.1 Ông Lê Minh H và ông Lê Gia H1 mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền 92.919.000 đồng (chín mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn đồng). Phần án phí sơ thẩm ở nội dung quyết định của bản án và biên bản nghị án cũng có số tiền án phí và số tiền khấu trừ khác nhau tương tự. Như vậy, nội dung nghị án và quyết định của bản án khác nhau về số tiền thanh toán, án phí và số tiền khấu trừ đương sự còn được nhận là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[1.4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đương sự trong vụ án gồm 02 nguyên đơn, 03 bị đơn và 26 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không đưa đầy đủ người liên quan cùng lời khai của họ tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cả lối đi tranh chấp có một phần đất phía trong còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Mộng L1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không rõ liên quan vấn đề gì và không giải quyết quyền lợi liên quan của bà Lâm Thị Mộng L1 mà tách ra giải quyết là không đúng quy định.

[2.2] Tại Công văn số 1427/UBND-KT ngày 21/10/2022 của UBND phường B, thành phố T cung cấp thông tin liên quan về lối đi như sau: lối đi tại tổ A, khu phố Đ, phường B được hình thành từ năm 2009 do bà Nguyễn Thị Thu D chừa đất ra làm lối đi khi tách thửa chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ dân là những người liên quan. Như vậy, lối đi này thuộc quyền sử dụng riêng của bà D hay quyền sử dụng chung của bà D cùng các hộ dân là những người liên quan thì chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Bản án sơ thẩm buộc các nguyên đơn thanh toán cho bị đơn Nguyễn Thị Thu Duyên s tiền để được sử dụng lối đi chung là ảnh hưởng đến quyền lợi của những người liên quan.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn xác định không có hành vi trái pháp luật rào chắn lối đi nên cũng không đồng ý với việc đình chỉ của án sơ thẩm.

[2.4] Do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Từ những nhận xét nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn Phạm Văn H2 là có căn cứ nên không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 03, điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn H2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2023/DS-ST ngày 16/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn H2 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phạm Văn H2 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0013105 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Thẩm phán Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huyền

Trần Thị Thắm

Nguyễn Minh Tấn

